

RIGHTS TO ACCESS JUSTICE OF THE LESBIAN, GAY AND TRANSGENDER COMMUNITY IN VIETNAM AND COMPARISON OF LAWS IN SOME COUNTRIES IN THE WORLD

Mai Thi Mai^a, Nguyen Quang Minh^b
 Nguyen Hoang Anh^c, Hoang Ngoc Ly^d

Hanoi Law University

Email: ^amaimai31.hlu@gmail.com; ^bminhquangnguyen892@gmail.com;

^chanhphanh202@gmail.com; ^dhoangngocly0312@gmail.com

Received: 06/8/2023; Reviewed: 21/8/2023; Revised: 24/8/2023 ; Accepted: 05/9/2023; Released: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/223>

The right to access justice is an important right but is easily restricted in life in the current context. Especially, the Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender community faces many difficulties in accessing justice due to their special factors in society. This article evaluates the theory and practical situation of access to justice for the lesbian, gay, bisexual and transgender community, at the same time proposing appropriate solutions to improve the quality of access to justice of this group of people. The goal is to improve the access to justice mechanism to ensure that the rights of the Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender community is better implemented.

Keywords: Access to justice; The Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender community; Law; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) được pháp luật quốc tế bảo vệ trước hết với tư cách họ là con người. Điều này thể hiện ở Hiến chương Liên Hiệp quốc năm 1945 “Tuyên bố một lần nữa sự tin tưởng vào những quyền cơ bản, nhân phẩm và giá trị của con người”. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”. Điều 16 quy định “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”... Hiện nay, LGBT ở Việt Nam có số lượng không nhỏ trong xã hội. Những năm gần đây, Việt Nam đã chứng kiến sự tiến bộ đáng kể trong việc thúc đẩy quyền tiếp cận công lý cho cộng đồng LGBT. Mặc dù, vẫn còn một số thách thức và hạn chế tồn đọng nhưng những nỗ lực và nhận thức về quyền của LGBT đã có những bước tiến tích cực.

2. Tổng quan nghiên cứu

Liên quan đến nội dung này đã có nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, trong đó tiêu biểu là một số nghiên cứu như: Đào Trí Úc, Vũ Công Giao (2018), *Công lý và quyền tiếp cận công lý: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn*; Vũ Công Giao (2009), *Tiếp cận công lý và các nguyên lý của nhà nước pháp quyền*, tr.188-194; Đinh Hồng Hạnh, Trần Khắc Tùng, *“Là người đồng tính, song tính và chuyển giới LGBT ở Châu Á: Báo cáo quốc gia Việt*

Nam”; Phạm Quỳnh Phương (2014), *“Người đồng tính song tính và chuyển giới ở Việt Nam”*; Trương Hồng Quang (2016), *“Pháp luật quốc tế về quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới”*; Dương Dương (2017), *“Quyền của người LGBT trong các Bộ luật Lao động trên thế giới”*; Trương Hồng Quang (2012), *“Cơ sở lý luận của người đồng tính”*; Trương Hồng Quang (2019), *“Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới theo pháp luật Việt Nam hiện nay”*; Gudmundur Alfredsson & Asbjorn Eide (2010), *Tuyên ngôn Quốc tế nhân quyền, 1948 Mục tiêu chung của nhân loại*; Trương Hồ Hải, Đặng Việt Đạt (2020), *“Nâng cao năng lực tiếp cận công lý của nạn nhân nữ bị xâm hại tình dục ở Việt Nam”*... Nhìn chung, những nghiên cứu trên đã phân tích khá đầy đủ về quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT, đây là tài liệu có giá trị để tác giả kế thừa, hoàn thiện nội dung nghiên cứu này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp tổng hợp, phân tích... để từ đó làm rõ vấn đề liên quan đến quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT ở Việt Nam hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái niệm về LGBT

Cộng đồng LGBT được hiểu là cộng đồng của những người mà có xu hướng tính dục hay bản dạng giới khác với những người có xu hướng tính dục và bản dạng giới bình thường. Ở đây LGBT là ngoài viết tắt cho Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender

thì còn có nhiều cụm từ như LGBTQ, LGBTQI+, LGBTQIA được thể hiện cho sự mở rộng của nhiều xu hướng tính dục hơn. Cho tới nay, thuật ngữ này được sử dụng vô cùng rộng rãi ở nhiều nơi và nhiều lĩnh vực để chỉ chung tất cả những nhóm đa dạng về xu hướng tính dục và bản dạng giới khác nhau.

Một số khái niệm liên quan đến cộng đồng LGBT:

Xu hướng tính dục (Sexual orientation): Xu hướng tính dục là một trong bốn yếu tố tạo nên tính dục và được định nghĩa là sự hấp dẫn có tính bền vững về tình cảm hoặc tính dục hướng tới những người khác.

Bản dạng giới: hay còn gọi là nhận thức giới tính (Gender identity): là tâm lý của một người tự xác định về giới tính của thân. Nhận thức giới tính không nhất thiết dựa trên giới tính sinh học hoặc giới tính được người khác cảm nhận và cũng không phải dựa trên thiên hướng tính dục.

Khái niệm về đồng tính luyến ái (Lesbian, gay): Đồng tính luyến ái hay còn được gọi là đồng tính, đây là những thuật ngữ mô tả những người có tình cảm với người cùng giới. Đồng tính luyến ái chỉ là nhận thức của cá nhân dựa trên những hấp dẫn đó. Có hai loại đồng tính luyến ái là “gay” (đồng tính nam) và “lesbian” (đồng tính nữ).

Khái niệm về song tính luyến ái (Bisexual): Song tính luyến ái là một xu hướng giới tính dục bên cạnh dị tính, đồng tính. Một người song tính có thể thấy người nam hay nữ đều cuốn hút mình, tức là có tình cảm yêu đương với nam hay nữ đều được.

Khái niệm về chuyển giới (Transgender): Chuyển giới là một khái niệm rộng, dùng để chỉ tất cả những người có bản dạng giới, thể hiện giới không tương ứng với giới tính sinh học của họ. Người chuyển giới là người có cảm nhận rằng giới tính mong muốn của mình không trùng với giới tính sinh học đang có.

Tóm lại, trên cơ sở trên có thể chia thành các nhóm, theo xu hướng tính dục của con người được chia làm 3 loại chủ yếu: dị tính luyến ái, đồng tính luyến ái và song tính luyến ái; còn theo bản dạng giới thì phân thành: người chuyển giới và người không chuyển giới.

4.2. Tổng quan về quyền tiếp cận công lý

4.2.1. Khái niệm quyền tiếp cận công lý

Quyền tiếp cận công lý (Access to justice) có nhiều quan điểm khác nhau đến từ các nhà Luật gia, triết học trên thế giới và hiện nay phải kể đến 2 luồng quan điểm đang được đánh giá và nghiên cứu nhiều nhất theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng.

Theo nghĩa hẹp, tiếp cận công lý được hiểu như là quyền được xét xử công bằng, được ghi nhận và nhân mạnh trong luật quốc tế về quyền con người. Mỗi người đều có quyền tiếp cận các cơ chế vệ thủ tục và nội dung trong xã hội nhằm đảm bảo để mọi công dân đều có cơ hội được tiếp cận, tìm kiếm sự khắc phục, bồi thường từ hệ thống tư pháp khi các quyền pháp lý của họ bị vi phạm. Đây là cách tiếp

cận truyền thống đối với quyền tiếp cận công lý và được nhiều quốc gia ghi nhận trong Luật.

Theo nghĩa rộng, tiếp cận công lý không chỉ giới hạn ở quyền tiếp cận với các cơ quan tư pháp hay tòa án mà nội hàm của khái niệm này bao gồm cả việc tiếp cận đến các trật tự chính trị và việc hưởng lợi từ việc phát triển kinh tế, xã hội. Theo Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) định nghĩa: *Tiếp cận công lý là khả năng tìm kiếm sự đền bù hoặc sự khắc phục cho những bất công hay thiệt hại mà một cá nhân hay một nhóm cá nhân, đặc biệt là cho những nhóm xã hội dễ bị tổn thương phải gánh chịu có thể xảy ra trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua việc tiếp cận với các thiết chế tư pháp chính thống (cơ quan điều tra truy tố, xét xử...) và không chính thống (các luật tục, các cơ chế hoà giải, trợ giúp pháp lý...) trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực về quyền con người.*

Qua đó cho thấy, việc nghiên cứu và phát triển hệ thống pháp luật quốc gia theo cách tiếp cận công lý theo nghĩa rộng giúp đảm bảo rộng hơn, toàn vẹn hơn đến với những người dân nói chung và các đối tượng yếu thế trong xã hội.

4.2.2. Quyền tiếp cận công lý trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam

- Quyền tiếp cận công lý trong pháp luật quốc tế

Theo quan điểm của Liên Hợp Quốc “tiếp cận công lý vừa là quyền cơ bản của con người vừa là phương tiện để thực hiện các quyền con người khác”. Có thể thấy, Liên Hợp Quốc coi tiếp cận công lý là một quyền cơ bản của con người, cần được bảo vệ và đảm bảo thực hiện thông qua các cơ chế khác nhau.

Quyền tiếp cận công lý, dù hiểu theo quan điểm truyền thống hay hiện đại, đều có chung cơ sở pháp lý đó là quyền được xét xử công bằng. Điều này đã được ghi nhận ở một trong những văn kiện quốc tế quan trọng nhất về quyền con người, tại Điều 10 trong Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người đã đề cập đến quyền được xét xử công bằng. Trong Công ước về các quyền dân sự, chính trị (được thông qua năm 1966 và có hiệu lực thi hành năm 1976), quyền được xét xử công bằng cũng đã được nhắc đến và cụ thể hóa tại Điều 14.

Ngoài ra, quyền được xét xử công bằng cũng được viện dẫn lại trong nhiều văn kiện quốc tế khác như: Điều 6 Công ước nhân quyền châu Âu; Điều a Điều 5 Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965; Khoản 2 Điều 15, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979; Khoản 1 Điều 18 Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và các thành viên gia đình họ;...

- Quyền tiếp cận công lý trong pháp luật Việt Nam

Khái niệm “tiếp cận công lý” đã được đề cập đến trong Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (ban hành theo Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng số 49-NQ/TW ngày

02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020). Theo đó, công lý và bảo vệ công lý được xác định là một trong những mục tiêu cơ bản của cải cách tư pháp ở Việt Nam.

Khái niệm “quyền tiếp cận công lý” không được ghi nhận trực tiếp trong Hiến pháp và các quy định pháp luật của Việt Nam. Tuy nhiên, mục tiêu về bảo vệ công lý đã được đề cập tại Hiến pháp 2013 coi bảo vệ công lý là một nhiệm vụ của toà án. Hiến pháp 2013 khẳng định: “Toà án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”. Ngoài ra, Hiến pháp 2013 đã ghi nhận các nội dung của quyền tiếp cận công lý, bao gồm bình đẳng trước pháp luật (Điều 16); quyền được xét xử công bằng, công khai, nhanh chóng bởi toà án (Điều 31). Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam có những đạo luật chuyên biệt với các điều khoản cụ thể về hỗ trợ Khoa học xã hội Việt Nam, hỗ trợ các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương tiếp cận công lý (như Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2007, Luật Về người khuyết tật 2010, Luật Trẻ em 2016), hay pháp luật về trợ giúp pháp lý (như Luật trợ giúp pháp lý 2017).

Mặc dù, Việt Nam còn thiếu các quy định trực tiếp về quyền tiếp cận công lý và việc bảo đảm quyền tiếp cận công lý trên thực tế còn nhiều trở ngại, nhưng về cơ bản nội hàm của quyền tiếp cận công lý ở Việt Nam khá tương thích với sự phát triển của hệ thống pháp luật và thực tiễn pháp lý quốc tế hiện nay.

4.2.3. Đặc điểm của quyền tiếp cận công lý

- Về đối tượng mà quyền tiếp cận công lý hướng tới: Quan điểm hiện đại về quyền tiếp cận công lý có trọng tâm hướng tới các nhóm người yếu thế trong xã hội như người nghèo, người dân tộc thiểu số (DTTS), người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, người phạm tội (tù nhân), người không quốc tịch, người tị nạn, người chuyển giới,...

- Về phạm vi tác động: Quan điểm hiện đại thừa nhận sự tham gia của nhiều thiết chế, bao gồm cả các thiết chế tư pháp không chính thức và các hệ thống cơ quan giám sát như quốc hội, hội đồng nhân dân, các tổ chức xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn... Mỗi cơ quan trên có chức năng, nhiệm vụ khác nhau, do đó cũng đảm nhận những vai trò khác nhau trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận công lý.

- Nội hàm của quyền tiếp cận công lý: tiếp cận với các thiết chế tư pháp chính thống (cơ quan điều tra truy tố, xét xử...) và không chính thống (các luật tục, các cơ chế hoà giải, trợ giúp, tư vấn pháp lý...)

4.3. Thực trạng quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT ở một số quốc gia trên thế giới

4.3.1. Thực trạng quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT ở Hoa Kỳ

Luật gia đình ở Mỹ là luật tiểu bang và chưa có

luật đồng nhất cho toàn quốc. Tuy nhiên, từ năm 2015, tất cả các tiểu bang đã công nhận việc kết hôn giữa những cặp đồng giới theo quyết định của Tòa án Tối cao. Trong công tác xét xử, tuy đã có nhiều sự thay đổi và cải thiện, nhưng vẫn còn các vấn đề liên quan đến phân biệt đối xử tại nơi làm việc và giáo dục hay về quyền hôn nhân và bảo vệ quyền của người LGBT trong gia đình. Các vấn đề trong công tác tư vấn pháp luật cho người LGBT bao gồm: khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ tư vấn pháp luật, đào tạo chưa đầy đủ về các vấn đề liên quan đến người LGBT, cần có sự đầu tư để tăng cường trình độ của luật sư và nhân viên pháp lý, cung cấp các dịch vụ pháp lý miễn phí hoặc giá rẻ và áp dụng các công nghệ mới để nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn pháp luật cho cộng đồng LGBT.

4.3.2. Thực trạng quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT ở Cộng hòa Pháp

Pháp là quốc gia có Tuyên ngôn nhân quyền về dân quyền từ rất sớm, nhưng đề hôn nhân đồng giới được công nhận thì Pháp đã phải trải qua rất nhiều cuộc đấu tranh. Hiện nay, mặc dù việc đảm bảo quyền lợi của người LGBT trong hệ thống tư pháp đang được quan tâm và thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức trong công tác tư vấn pháp luật cho cộng đồng LGBT tại Pháp, bao gồm thiếu nhân viên pháp lý được đào tạo về vấn đề LGBT, khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin pháp lý, thách thức về địa lý và cộng đồng, khả năng chi trả. Các tổ chức và nhóm vận động LGBT tại Pháp vẫn đã và đang tiếp tục thúc đẩy cho việc đào tạo và giáo dục các nhân viên tư pháp về vấn đề đa dạng giới tính và tình dục đồng thời đưa ra các yêu cầu để cải thiện quyền lợi của người LGBT trong hệ thống tư pháp.

4.3.3. Thực trạng quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT ở Nhật Bản

Nhật Bản là một quốc gia có nền văn hóa Á Đông tương đối bảo thủ và cho đến thời điểm hiện tại thì vẫn chưa công nhận kết hôn đồng giới ở cấp quốc gia, tuy nhiên, chính phủ một vài địa phương đã thực hiện một số bước đi để xác định mối quan hệ đồng giới của họ dù điều này không cung cấp cho họ các quyền giống như các cặp vợ chồng. Tuy nhiên, còn nhiều thách thức trong việc đảm bảo quyền tiếp cận công lý cho cộng đồng LGBT, trong đó công tác xét xử và tư vấn pháp luật cho người LGBT đang được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều bất công. Việc cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật cho người LGBT vẫn gặp nhiều thách thức và nhiều người LGBT không tin tưởng hoặc không muốn trải qua các thủ tục pháp lý khó khăn và phức tạp, do đó không thể sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật có sẵn. Chính phủ và các tổ chức vẫn đang tiếp tục nỗ lực để đảm bảo người LGBT sẽ được đối xử công bằng và được đảm bảo các quyền lợi hợp pháp.

4.4. Thực trạng quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT ở Việt Nam và bài học kinh nghiệm

4.4.1. Thực trạng thực thi về quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT ở Việt Nam

- Công tác tư pháp

Dù tiếp cận công lý được hiểu theo nghĩa hẹp hay rộng thì tòa án là một trong những cơ quan đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quyền tiếp cận công lý cho nhân dân. Nhận thấy vai trò quan trọng đó, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW “Về một số nhiệm vụ công tác tư pháp trong thời gian tới”. Nghị quyết đề cập về những vấn đề trong việc cải cách tư pháp, trong đó bao gồm những quan điểm chỉ đạo, chủ trương và các giải pháp cụ thể đối với các cơ quan tư pháp. Cũng tiếp theo đó tại Nghị quyết số 49-NQ-TW, ngày 02/06/2005 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với mục đích: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”. Qua đó, chúng minh cho sự quyết tâm trong công tác tư pháp mà đặc biệt là công tác xét xử của tòa án, đây hoạt động trọng tâm được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn để tổ chức thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Điều này đã được thực hiện với những đổi mới trong toàn hệ thống tư pháp và đến nay đã đạt được những kết quả tích cực việc tăng cường quyền tiếp cận công lý của người dân trong đó cộng đồng LGBT.

Chất lượng đội ngũ các thẩm phán đang ngày càng được nâng cao. Đây là yếu tố chủ quan dẫn đến những phán quyết của tòa, nhân danh nhà nước ra quyết định đối với các vụ việc, trực tiếp tác động đến quyền tiếp cận công lý. Họ gánh trên vai trọng trách nghề nghiệp rất vinh quang, nhưng yêu cầu về trách nhiệm cũng rất cao. Với việc chú trọng làm tốt hoạt động tranh tụng, nên chất lượng giải quyết, xét xử các vụ án tiếp tục được nâng lên, tỷ lệ các bản án quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan được hạn chế ở mức thấp (dưới 1,5%), đáp ứng được yêu cầu mà Nghị quyết Quốc hội đề ra.

Bên cạnh đó, trong công tác tư pháp còn những điểm bất cập làm ảnh hưởng trực tiếp quyền tiếp cận công lý đối với cộng đồng LGBT như sau:

Thứ nhất, sự chênh lệch lớn về số lượng vụ án giữa các tòa án. Theo luật Tổ chức tòa án thì tòa án được chia thành 2 cấp xét xử là cấp sơ thẩm và phúc thẩm, được chia theo các đơn vị hành chính tương ứng là cấp huyện và cấp tỉnh (đối với Tòa án quân đội là Tòa án khu vực và Tòa án Quân khu) thể nhưng số vụ án được xử lý ở các địa phương là khác nhau, có địa phương thì quá nhiều nhưng cũng có địa phương khá ít dẫn tới việc bị áp lực, dồn nén ở các địa phương có số án quá nhiều nhất là các thành phố lớn, ở những nơi tòa án bị quá tải thì quyền tiếp cận công lý của người dân nói chung và với những người trong cộng đồng LGBT nói riêng không được đảm bảo chất lượng. Như năm 2021, TAND hai cấp TP. Hà Nội đã giải quyết được 27.513 vụ việc các loại cũng trong khoảng thời gian

đó TAND hai cấp tỉnh Yên Bái thụ lý tổng số 3.363 vụ, việc các loại có thể thấy sự chênh lệch rất lớn giữa các địa phương.

Thứ hai, việc đảm bảo tính khách quan vô tư còn nhiều hạn chế dẫn đến việc các quyền lợi chính đáng của nhân dân bị ảnh hưởng và nhất quyền tiếp cận công lý của nhân dân bị tác động tiêu cực rất lớn.

- Hoạt động tư vấn và trợ giúp pháp lý

Tư vấn pháp luật (hay tư vấn pháp lý) hiện nay là một trong những dịch vụ phát triển ở Việt Nam xuất hiện ở mọi mặt trong đời sống và điều đó yêu cầu những người tư vấn pháp luật không chỉ cần kiến thức tốt về pháp luật và kinh nghiệm mà còn cần những có những kỹ năng hỗ trợ khác để giúp đỡ khách hàng.

Đây là mô hình được đánh giá là hiệu quả và mọi đối tượng trong xã hội có thể tiếp cận được. Hoạt động này được chú trọng hơn nữa khi mà ngày 10/5/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 678/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, theo đó “Định hướng phát triển đến năm 2030: mở rộng thêm diện người được trợ giúp pháp lý, chú ý các đối tượng yếu thế hoặc dễ bị tổn thương trong xã hội, người Việt Nam ở nước ngoài, các đối tượng được quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên...”. Hiện nay, hoạt động này đã đạt được những thành tựu, qua đó đảm bảo quyền tiếp cận công lý của các đối tượng là cộng đồng LGBT, khi xuất hiện các vấn đề cần giải quyết thì cộng đồng LGBT có thể tìm đến hoạt động tư vấn pháp luật đến từ các luật sư, các chuyên gia... để giải quyết vấn đề từ đó quyền tiếp cận công lý đối với nhóm cộng đồng này đã được đáp ứng qua các hoạt động tư vấn pháp luật.

Đối với các dịch vụ tư vấn và trợ giúp pháp lý thì người thuộc LGBT đều có thể là đối tượng được hỗ trợ. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ đó của cộng đồng LGBT đang vướng phải những khó khăn nhất định:

Thứ nhất, số lượng các trung tâm trợ giúp pháp lý còn hạn chế chưa đáp ứng được đủ ở các địa bàn, mới chỉ có 63 trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc sở Tư pháp được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, 151 chi nhánh của trung tâm TGPL đặt tại các huyện hoặc liên huyện, dẫn đến tình trạng khó tiếp cận đến hoạt động này nhất là những địa bàn rộng, ở những vùng khó khăn, khó tiếp cận thì cộng đồng LGBT ở những khu vực này bị hạn chế khi họ muốn được trợ giúp pháp lý, ảnh hưởng đến quyền tiếp cận công lý của họ dẫn tới các quyền khác của cộng đồng này bị ảnh hưởng khi không được tiếp cận và xử lý kịp thời.

Thứ hai, bất cập tiếp theo là những bất cập về Luật trợ giúp pháp lý 2017 hiện hành, theo điều 7 quy định cộng đồng LGBT chưa phải là đối tượng được pháp luật quy định trong việc “người được trợ giúp pháp lý” ở đây chúng tôi nhận thấy rằng LGBT

đáng ra cần được hưởng quy chế được tư vấn pháp luật tuy nhiên chỉ dừng ở mức này chưa nhất thiết phải là tư vấn miễn phí cho nhóm đối tượng này.

4.4.2. Đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT dựa theo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

4.4.2.1. Kiến nghị nâng cao hiệu quả trong công tác xét xử của Tòa án đối với người thuộc cộng đồng LGBT

Một là, đảm bảo tính minh bạch và công khai trong tòa án.

Hai là, tăng cường giám sát và kiểm tra nội bộ.

Ba là, đào tạo các cán bộ Tòa án mà ở đây là các thẩm phán trong về các vấn đề liên quan đến cộng đồng LGBT.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo quyền tiếp cận công lý của cộng đồng LGBT.

4.4.2.2. Kiến nghị nâng cao công tác tư vấn và trợ giúp pháp lý đối với người thuộc cộng đồng LGBT

Đối với vấn đề này, chúng ta cần có những giải pháp thiết thực để giúp cho người LGBT có thể tiếp cận với dịch vụ tư vấn pháp luật nhiều hơn, nhận thức tốt hơn các quyền của mình. Ví dụ như dựa trên kinh nghiệm của Nhật Bản - một quốc gia cũng chưa hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới, các cơ quan nhà nước có thể khuyến khích, bảo trợ và phối hợp với những tổ chức chuyên cung cấp dịch vụ pháp luật cho người thuộc cộng đồng LGBT tương tự như Nijjiro Diversity và Nijjiro Hotline qua đó tuyên truyền pháp luật, đưa pháp luật đến với người LGBT, khảo sát nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người LGBT. Điều này sẽ hiệu quả hơn các chương trình tuyên truyền thông thường vì bản thân người LGBT vốn ngại công khai bản thân với xã hội và thường chỉ tin tưởng các nhóm, tổ chức hoạt động liên quan đến cộng đồng LGBT. Qua đó càng cho thấy đối với mỗi đối tượng đặc thù khác nhau thì nên có hình thức tuyên truyền, phổ biến khác nhau.

Đối với hoạt động trợ giúp pháp lý cho người thuộc cộng đồng LGBT, chúng ta nên áp dụng những chế độ trợ giúp pháp lý miễn phí hoặc với giá ưu đãi. Đặc biệt là những người LGBT thuộc các nhóm yếu thế cần ưu tiên khác như người già, trẻ em không nơi nương tựa, người DTTS, người có hoàn cảnh khó khăn,... Riêng đối với vấn đề bạo lực gia đình, nên mở rộng phạm vi đối tượng đối với tất cả người LGBT bị bạo lực gia đình chứ không chỉ riêng đối tượng phụ nữ như quy định hiện nay.

Qua thực tiễn tại một số nước như Pháp và Hoa Kỳ có thể thấy một vấn đề quan trọng đó là khó khăn trong việc tìm kiếm, tra cứu thông tin pháp lý đối với những người thuộc cộng đồng LGBT. Vấn đề này tại Pháp xuất phát từ việc các văn bản liên quan đến quyền của cộng đồng LGBT không được hệ thống tại một văn bản pháp lý hoàn chỉnh mà nằm rải rác khiến cho rất khó tra cứu. Vì vậy, để tránh tình trạng này chúng ta đầu tiên cần phải cố

gắng hệ thống pháp luật một cách khoa học, tránh tình trạng các quy định nằm rải rác. Hoặc chúng ta có thể học hỏi kinh nghiệm từ Hoa Kỳ khi họ áp dụng công nghệ tiện ích cho phép người LGBT tìm kiếm các dịch vụ tư vấn pháp luật thông qua mạng Internet và các ứng dụng di động. Tuy nhiên, đây cũng đồng thời gây ra các thách thức về an ninh thông tin và chất lượng của dịch vụ được cung cấp.

5. Thảo luận

Tiếp cận công lý (Access to Justice) là quyền mà mọi người dân được phép yêu cầu nhà nước sử dụng mọi biện pháp để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi xảy ra tranh chấp hoặc bị xâm hại về các quyền lợi của mình. Vì vậy, Nhà nước cũng cần phát huy hoạt động trợ giúp pháp lý của các tổ chức xã hội dân sự. Phải đảm bảo tính thân thiện, dễ tiếp cận, đa dạng hóa các hình thức, cách thức cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý: trợ giúp lưu động, đường dây điện thoại, diễn đàn, hoạt động của cộng tác viên. Cần quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng những quy chuẩn trong cách thức tiếp cận đối tượng và vấn đề trợ giúp pháp lý... Có sự kết hợp việc thực hiện trợ giúp pháp lý và công tác thúc đẩy xây dựng, sửa đổi chính sách, cũng như phổ biến, tuyên truyền pháp luật với cộng đồng, đặc biệt là với các đối tượng yếu thế trong xã hội; xem xét phối hợp, trao đổi giúp đỡ các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp cũng như các tổ chức, cá nhân có khả năng thực hiện trợ giúp pháp lý một cách chuyên nghiệp (ví dụ như luật sư) tại cơ sở của cộng đồng LGBT.

6. Kết luận

Những năm gần đây, Việt Nam đã chứng kiến sự tiến bộ đáng kể trong việc thúc đẩy quyền tiếp cận công lý cho cộng đồng LGBT. Mặc dù, vẫn còn một số thách thức và hạn chế tồn đọng nhưng những nỗ lực và nhận thức về quyền của LGBT đã có những bước tiến tích cực. Các tổ chức xã hội và chính phủ đã chủ động tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền và nghiên cứu để tạo ra sự hiểu biết và sự đồng cảm với người LGBT. Điều này đã góp phần giảm bớt định kiến và phân biệt đối xử trong cộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tiếp cận công lý. Cũng có những bước tiến tích cực trong việc cải thiện pháp luật liên quan đến quyền tiếp cận công lý của người LGBT tại Việt Nam mở ra cơ hội cho người LGBT tiếp cận các quyền lợi hôn nhân và gia đình như quyền thừa kế, quyền nuôi con, quyền nhân thân,... Ngoài ra, các tổ chức và luật sư nhân quyền đã nỗ lực hướng dẫn và bảo vệ quyền lợi pháp lý của người LGBT. Họ cung cấp thông tin và tư vấn về quyền tự do tình dục, quyền sở hữu và quyền được đối xử công bằng. Điều này đã giúp người LGBT có khả năng tự vệ và đấu tranh cho quyền của mình trong hệ thống công lý. Tuy vậy, qua những kinh nghiệm thực tế từ các quốc gia khác trên thế giới, có thể thấy chúng ta vẫn còn rất nhiều thách thức phải vượt qua để quyền tiếp cận công lý của người LGBT được đảm bảo trên thực tế.

Tài liệu tham khảo

- Alfredsson, G., & Eide, A. (2010). *Tuyên ngôn Quốc tế nhân quyền, 1948 Mục tiêu chung của nhân loại* (H. H. Trang, N. H. Yên, & N. T. X. Sơn, dịch). Nxb. Lao động - Xã hội.
- Dương, D. (2017, 11/7). Quyền của người LGBT trong các Bộ luật Lao động trên thế giới. Trang Thông tin điện tử Việt Nam Mới.
- Giao, V. C. (2009). Tiếp cận công lý và các nguyên lý của nhà nước pháp quyền. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học* 25, tr.188-194.
- Hải, T. H., & Đạt, Đ. V. (2020, 23/1). Nâng cao năng lực tiếp cận công lý của nạn nhân nữ bị xâm hại tình dục ở Việt Nam. *Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử*.
- Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. (2004). *The rule of law and transitional justice in conflict and post conflict societies*. Đoạn 7.
- Liên Hợp Quốc. (1945). *Hiến chương Liên Hợp Quốc*.
- Phương, P. Q. (2014). *Người đồng tính song tính và chuyển giới ở Việt Nam*.
- Quang, T. H. (2016, 1/12). Pháp luật quốc tế về quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp điện tử*.
- Quang, T. H. (2019). *Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới theo pháp luật Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Quang, T. H. (2012). Cơ sở lý luận của người đồng tính. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 24(232).
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2006). *Luật Bình đẳng giới 2006*.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2013). *Hiệp pháp năm 2013*.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình 2014*.
- Úc, Đ. T., & Giao, V. C. (2018). *Công lý và quyền tiếp cận công lý: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
- UN WOMEN. (2016, June). *Guidance note framework for measuring access to justice including specific challenges facing women*.
- UNDP. (2004). *No Title Access to Justice in Vietnam, Survey from a people's perspective*.
- Ủy hội Châu Âu. (1950). *Công ước châu Âu về Nhân quyền*.
- Viện Khoa học và giáo dục môi trường Việt Nam- IEES. (2021). *Góp ý Dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) về người chuyển giới*.

QUYỀN TIẾP CẬN CÔNG LÝ CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM VÀ SO SÁNH PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Mai Thị Mai^a, Nguyễn Quang Minh^b
Nguyễn Hoàng Anh^c, Hoàng Ngọc Ly^d

Trường Đại học Luật Hà Nội

Email: ^amaimai31.hlu@gmail.com; ^bminhquangnguyen892@gmail.com;

^chanhphanh202@gmail.com; ^dhoangngocly0312@gmail.com

Nhận bài: 06/8/2023; Phản biện: 21/8/2023; Tác giả sửa: 24/8/2023 ; Duyệt đăng: 05/9/2023; Phát hành: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/223>

T trong bối cảnh hiện nay, quyền tiếp cận công lý là một quyền quan trọng nhưng lại dễ bị hạn chế trong cuộc sống. Đặc biệt, cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận công lý do các yếu tố đặc biệt của họ trong xã hội. Bài viết này đánh giá lý thuyết và tình hình thực tế về quyền tiếp cận công lý của cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới, đồng thời đề xuất những giải pháp thích hợp để nâng cao chất lượng quyền tiếp cận công lý của nhóm người này. Mục tiêu là cải thiện cơ chế tiếp cận công lý qua đó đảm bảo quyền lợi của cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới được thực hiện một cách tốt hơn.

Từ khóa: Tiếp cận công lý; Cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới; Tư pháp; Việt Nam.